

VỀ MỘT SỐ DANH XUNG THỜI CHÚA NGUYỄN (Trao đổi với nhà nghiên cứu Đinh Văn Tuấn)

Nguyễn Anh Huy*

Tạp chí *Xưa và Nay* số 456 ra tháng 2 năm 2015, có bài “Đọc lại chữ triện trên quốc bảo truyền ngôi của Nguyễn Phúc Chu” của nhà nghiên cứu Đinh Văn Tuấn (ĐVT). Đọc bài viết ấy, tôi rất ngạc nhiên khi thấy chỉ dựa vào một vài comment trên Facebook, tác giả đã vội vàng đưa ra những nhận định chủ quan, phiến diện.

Là người đầu tiên đưa ra ý kiến của vấn đề cần bàn, tôi thấy rất cần trao đổi với tác giả ĐVT một vài luận điểm chính sau đây.

1. Từ những tiên đề bị hiểu ngược

1.1. Những niên hiệu viết chữ Hán là “大 (Đại)” chứ không phải “太 (Thái)”

Nhà nghiên cứu ĐVT viết: “... sử sách đã từng ghi nhận về sự dùng đại 大 thay thái 太, chẳng hạn như niên hiệu nhà Đinh là Thái Bình 太平 được viết là Đại Bình 大平 trong đồng tiền đúc thời Đinh, hay ở niên hiệu Thái Hòa 太和 đời Lê được viết là Đại Hòa 大和, nhưng thật ra trong Hán văn chỉ có chữ 太 mới được dùng chữ 大 để thay, chứ ngược lại không thấy chữ 大 được dùng chữ 太 thay cho, ở Trung Quốc cũng như ở Việt Nam thời xưa đều theo nguyên tắc như thế”.



H1. Tiền “Đại Bình hưng bảo” của Đinh Tiên Hoàng.

H2. Tiền “Đại Hòa thông bảo” của Lê Nhân Tông.

Vấn đề trên, hiểu đúng là như thế này: niên hiệu của Đinh Tiên Hoàng thời Đinh viết là “大平 - Đại Bình”⁽¹⁾ (Hình 1), chứng cứ duy nhất thời này còn lại là đồng tiền của Đinh Tiên Hoàng; niên hiệu của Lê Nhân Tông thời Lê viết là “大和 - Đại Hòa”,⁽²⁾ rất nhiều chứng cứ như tiền cổ (Hình 2), bi ký, *Đại Việt sử ký toàn thư*...

Do chữ “大 - Đại” ngày xưa có hai âm đọc là /đại/ và /thái/ (Xem *Hán Việt tự điển* của Thiều Chửu), nên tuy hình viết là “大平 - Đại Bình, 大和 - Đại Hòa”, nhưng cũng có thể đọc là /Thái Bình, Thái Hòa/; và chính vì thế mà đời sau ghi chép do không đối chiếu kỹ nguyên gốc, lại viết thành hình là “太平 - Thái Bình, 太和 - Thái Hòa”, và ngày nay, theo đó mà hiểu nhầm niên hiệu vua Đinh, vua Lê nguyên gốc hình viết là “太平 - Thái Bình, 太和 - Thái Hòa”, rồi cứ dựa theo đó mà tam sao thất bản!

Nhà nghiên cứu ĐVT không nắm vững vấn đề, lại hiểu ngược là niên hiệu của vua Đinh nguyên gốc viết hình là “太平 - Thái Bình”, và niên hiệu vua Lê nguyên gốc viết hình là “太和 - Thái Hòa”, nhưng người thời đó viết theo kiểu lấy chữ “大 - Đại” thay cho “太 - Thái” cho nên trên đồng tiền mới viết là “大平 - Đại Bình, 大和 - Đại Hòa”! Thật là trái ngược!

Xin nhà nghiên cứu ĐVT tìm thử xem có *di vật* nào thời Đinh và thời Lê viết niên hiệu vua Đinh là “太平 - Thái Bình”, và niên hiệu vua Lê là “太和 - Thái Hòa”

* Thành phố Huế.

không? Tôi dám nói chắc chắn là không có! Vậy thì dựa vào đâu để nói rằng niên hiệu của vua Đinh và vua Lê viết là “*太平 - Thái Bình*”, *太和 - Thái Hòa*”.

Do vậy, riêng cá nhân tôi, vẫn chủ trương cách đọc âm hình đồng nhất, nghĩa là niên hiệu vua Đinh đọc là /Đại Bình/, và niên hiệu vua Lê đọc là /Đại Hòa/ để khỏi phải lẫn lộn như nhà nghiên cứu ĐVT vừa vấp.

1.2. Quốc Sử Quán triều Nguyễn có đọc sai?

Từ cách hiểu sai và hiểu ngược trên, nhà nghiên cứu ĐVT lại dựa vào đó làm tiên đề để cho rằng: “...các sử gia Nguyễn dù là những bậc túc Nho, tinh thông chữ Hán nhưng vẫn có thể lâm lẫm một cách chủ quan... Bằng chứng là ấn thời chúa Nguyễn đã được Thượng thư Bộ Học Cao Xuân Dục đọc là Quốc chủ ngự bút chi bửu 國主御筆之寶, nhưng thật ra Cao Xuân Dục đã đọc sai chữ chủ 主 mà đúng ra là chữ tể 宰 (chúa tể)”.



H3. Ấn “Quốc chủ ngự bút chi bảo” trên gỗ, trích từ bức “Sắc tứ Quang Đức Tự” năm 1747.



H4. Một số kiểu viết theo lối triện của chữ “chủ” chữ “宰 (tể)”, và chữ “宗 (tông)”. (Ảnh: Võ Vinh Quang).

Nhà nghiên cứu ĐVT chưa tìm hiểu kỹ đã vội phán, tôi xin thưa rằng chữ triện ở góc dưới bên phải cái ấn đang nêu đây (Hình 3) có 3 chữ Hán khác nhau có lối viết thể triện gần giống như vậy: đó là chữ “主 (chủ, chúa)” (Hình 4), chữ “宰 (tể)”, và chữ “宗 (tông)”.

Cho nên, đã có người đọc là “國主御筆之寶 - Quốc chủ ngự bút chi bảo”,⁽³⁾ cũng có người đọc là “國宗御筆之寶 - Quốc tông ngự bút chi bảo”,⁽⁴⁾ và cũng có người đọc là “國宰御筆之寶 - Quốc tể ngự bút chi bảo”⁽⁵⁾!

Thế nhưng, cụm từ “*quốc tông*”, các sách *Từ nguyên* đều không có và không rõ nghĩa! Còn cách đọc “*quốc tể*” tuy đúng nghĩa và hay, song không có một tài liệu nào cho thấy các chúa Nguyễn xưng là “*quốc tể*”, mà chỉ xưng là “*quốc chủ*, *quốc chúa* - 國主” hoặc “*quốc vương* - 國王”!

Ví dụ: “*Quý Dậu (1693), năm thứ 2... tháng 3... bày tôi đến mừng... dâng tôn hiệu là QUỐC CHÚA [NAH nhấn mạnh]. Từ đấy sắc lệnh đều xưng là QUỐC CHÚA*”.⁽⁶⁾

Để chứng minh cho lối xưng hô “*quốc chủ*, *quốc vương*” thì có rất nhiều chứng cứ, tôi không thể dẫn ra hết được! Trong giới hạn bài viết này, tôi chỉ xin mời đọc giả xem một số hình minh họa về cách xưng “*quốc chủ*, *quốc vương*” trên các ngự thư, ngự đề của chúa:

- Hình 5: Năm 1703, Minh Vương viết ngự sắc ban cho Trần Đình Ân về hưu trên lĩnh hoa trắng, và sau đó ngự sắc này được Bạng Trung hầu Nguyễn Khoa Chiêm khắc lên đá gọi là “*Tứ công thần bi*”, ở chùa Bình Trung (Quảng Trị), nay vẫn còn. Trên đó cho thấy Minh Vương xưng là “*Quốc chủ Thiên Túng đạo nhân ngự sắc tử*...”.

- Hình 6: Bia chùa Thiên Mục do chúa làm bài ký năm 1715, trên đó chúa xưng là “Quốc chủ Nguyễn Phúc Chu...”.

- Hình 7: Lạc khoản trên 2 câu đối do Minh Vương tặng chùa Quốc Ân (Huế) năm 1715, ghi người viết là “Quốc chủ Thiên Túng đạo nhân ngự đề”.

- Hình 8: Bức hoành “Lai Viễn Kiều” ở Hội An, niên đại 1719, do Minh Vương viết, lạc khoản ghi: “Quốc chủ Thiên Túng đạo nhân đề”.

- Hình 9a, 9b: Hai bức ngự đề của Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát, niên đại 1747, lạc khoản ghi “Quốc vương Từ Tế đạo nhân ngự đề”.



H5. Hàng chữ “Quốc chủ Thiên Túng đạo nhân ngự sắc tứ” trên tấm bia ghi công đức của Trần Đình Ân, niên đại 1703.



H6. Hàng chữ “Quốc chủ Nguyễn Phúc Chu...” trên bia chùa Thiên Mục năm 1715, bên cạnh là ấn “Chính pháp nhân tạng”.

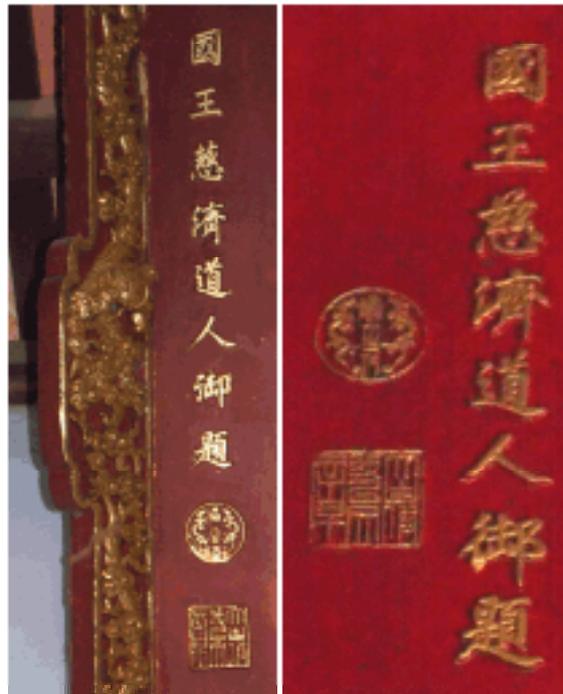


H7. Hàng chữ “Quốc chủ Thiên Túng đạo nhân ngự đề” trên 2 câu đối ở chùa Quốc Ân, năm 1715.

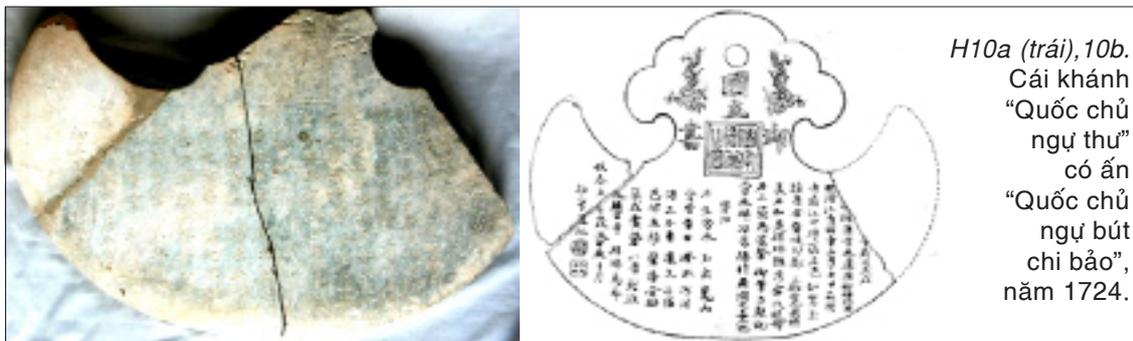


H8. Hàng chữ “Quốc chủ Thiên Túng đạo nhân đề” trên bức “Lai Viễn Kiều” ở Hội An, năm 1719.

H9a (trái), 9b. Hàng chữ “Quốc vương Từ Tế đạo nhân ngự đề” trên 2 bức hoành chùa Quang Đức, năm 1747.



- Đặc biệt, năm 1915, người ta tìm thấy một chiếc khánh bằng đá (Hình 10a, 10b),⁽⁷⁾ niên đại “Bảo Thái ngũ niên” (1724), có ghi 4 chữ chân phương “國主御書 - Quốc chủ ngự thư” và đóng dấu 國主御筆之寶 - Quốc chủ ngự bút chi bảo” của Minh Vương. Nếu cái ấn này đọc là “Quốc tể ngự bút chi bảo”, mà trên cái khánh có ghi rõ “Quốc chủ ngự thư”, tức người viết là “Quốc chủ”, vừa đóng thêm dấu ngự bút của “Quốc tể”, lẽ nào trên cùng một văn bản mà chúa lại dùng 2 danh xưng khác nhau là cả “Quốc chủ” lẫn “Quốc tể”?!



H10a (trái), 10b.
Cái khánh
“Quốc chủ
ngự thư”
có ấn
“Quốc chủ
ngự bút
chi bảo”,
năm 1724.

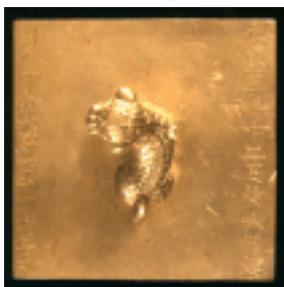
Về hiện tượng các chữ triện thời chúa Nguyễn viết khác biệt làm người đọc nhầm lẫn, khi nghiên cứu về ấn chương, Lê Quý Đôn cũng đã cho biết: “Đời gần đây, chữ triện khắc ở mặt ấn không theo phép tắc gì hết. Như ấn của Tam Sảnh, nét chữ triện đều cong lệch trái ngược...”.⁽⁸⁾

Từ các dữ liệu vừa nêu cho thấy cách đọc “Quốc chủ ngự bút chi bảo” như vị Thượng thư Bộ Học Cao Xuân Dục là đúng, chứ không hề “đọc sai” như nhà nghiên cứu ĐVT nói!

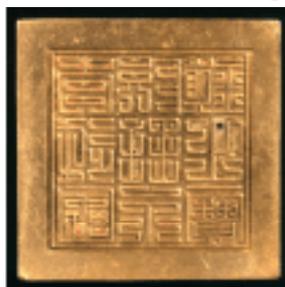
2. Đến những ngộ nhận về lịch sử...

Cổ sử cho biết năm 1709: “Mùa đông, tháng 12, ngày Nhâm Dần, đúc quốc bảo. Sai Lại Bộ Đông tri là Qua Tuệ Thư coi việc chế tạo (ấn khắc chữ Đại Việt quốc Nguyễn chúa vĩnh trấn chi bảo). Năm ấy đúc xong, về sau liệt thánh truyền nhau lấy làm quốc bảo. Đến khi Duệ Tông Hiếu Định Hoàng Đế vào Nam, cũng đem ấn đấy đi theo. Duệ Tông Hiếu Định Hoàng Đế băng thì để lại cho Thế Tổ Cao Hoàng Đế. Bấy giờ binh lửa hơn 20 năm, ấn ấy mất rồi lại tìm thấy nhiều lần...”.⁽⁹⁾

Ấn hình vuông (xem các hình 11a, 11b, 11c), chiều cao cả quai là 6,3cm, cạnh 10,84cm, dày 1,10cm; mặt trên của ấn khắc 2 dòng chữ Hán: “Kế bát thập kim, lục



H11a. Ấn “Đại Việt quốc Nguyễn chúa vĩnh trấn chi bảo” bằng vàng hiện đang lưu trữ tại Bảo tàng Quốc gia VN.



H11b. Âm bản của ấn “Đại Việt quốc Nguyễn chúa vĩnh trấn chi bảo”.



H11c. Dương bản của ấn “Đại Việt quốc Nguyễn chúa vĩnh trấn chi bảo”.

hốt, tứ lượng, tứ tiền, tam phân (nghĩa là: vàng 8 tuổi, nặng 6 thoi, 4 lượng, 4 tiền, 3 phân - tức 64,43 lượng)", bên phải khắc 11 chữ: "*Vĩnh Thịnh ngũ niên thập nhị nguyệt sơ lục nhật tạo* (nghĩa là: làm ngày 6 tháng 12 năm Vĩnh Thịnh thứ 5, tức năm 1709)".

Mặt ấn đúc nổi 9 chữ triện như đã nói trên. Một điều đáng bàn là, chữ triện số 1 ở góc trên phải là một dị thể của chữ “大 - đại” gồm trên là chữ “大 - đại” và dưới là chữ “二 - nhị” (Hình 12), nên Quốc Sử Quán triều Nguyễn đã viết là “*Ấn khắc chữ Đại Việt quốc Nguyễn chúa vĩnh trấn chi bảo*”!

Nhưng chữ “Đại” ở đây lại viết theo lối triện rất giống chữ “南 Nam”, nên đã có nhiều nhà nghiên cứu đọc là ấn “*南越國阮主永鎮之寶 - Nam Việt quốc Nguyễn chúa vĩnh trấn chi bảo*”!

Dựa vào tiên đề bị ngược vừa phân tích trên, ĐVT đã cho rằng Quốc Sử Quán triều Nguyễn “*lâm lẫn, đọc sai*”, để hưởng ứng ý kiến mới này. Cách đọc này khá hay, tuy nhiên dù ở cõi Nam Hà, chúng ta chưa bao giờ thấy các chúa Nguyễn xưng quốc hiệu là “Nam Việt” mà chỉ thấy xưng là “Đại Việt” như:

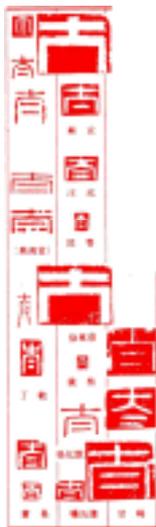
- Lời tựa cuốn *Hải ngoại kỷ sự* của Thích Đại Sán do chính tay Minh Vương viết năm 1696 xưng là: “*大越國王阮福暹 - Đại Việt quốc vương Nguyễn Phúc Chu*”.⁽¹⁰⁾

- Hình 13: Chuông chùa Thiên Mụ đúc năm 1710, trong bài minh, chúa cũng xưng là: “*大越國主阮福暹 - Đại Việt quốc chủ Nguyễn Phúc Chu*”.

- Bia ở chùa Quốc Ân năm 1729, chúa xưng là “*大越國王 - Đại Việt quốc vương*” (Hình 14), và ấn “*大越國王之印 - Đại Việt quốc vương chi ấn*” (Hình 15), hiện vẫn còn.

- Hoặc cũng chính Lê Quý Đôn là người đương thời có đến chùa Thiên Mụ, cho biết chúa Nguyễn Phúc Chu xưng là “*Đại Việt quốc vương*”...⁽¹¹⁾

Riêng ấn truyền quốc “*大越國阮主永鎮之寶 - Đại Việt quốc Nguyễn chúa vĩnh trấn chi bảo*” ngoại trừ sau này được Nguyễn Phúc Ánh sử dụng trên văn bản, thì trước đó, chỉ xuất hiện 2 lần: lần đúc năm 1709 và khắc trên bia chùa Thiên Mụ năm 1715.



H12. Dị thể của chữ “đại”, dưới có chữ “nhị” (Ảnh: Võ Vinh Quang).



H13. Chuông chùa Thiên Mụ, trên đó có khắc chữ “Đại Việt quốc chủ Nguyễn Phúc Chu...” do chính tay Minh Vương viết năm 1710.



H14. 4 chữ “Đại Việt quốc vương” là lối xưng hô của chúa Nguyễn trên bia chùa Quốc Ân năm 1729.



H15. Ấn “Đại Việt quốc vương chi ấn” trên bia chùa Quốc Ân.

Nếu đọc ấn là “南越 - Nam Việt”, ta sẽ thấy chúa Nguyễn sử dụng quốc hiệu thay đổi liên tục từ “Đại Việt” (1696) rồi đổi sang “Nam Việt” (1709), rồi đến năm 1710 lại đổi ngược là “Đại Việt”, rồi qua năm 1715 dùng lại “Nam Việt”, và đến năm 1729 đổi ngược lại là “Đại Việt”!

Một vị chủ đất nước như chúa Nguyễn Phúc Chu, được những người đương thời như Thích Đại Sán, một thiền sư Trung Hoa, lúc mới gặp lần đầu đã nhận xét: “*Trộm ngắm ông vua ngoại quốc, xuân thu chưa mấy mà phú tính thông minh, độ lượng khoan hòa, dung mạo đoan chính...*”,⁽¹²⁾ hoặc Lê Quý Đôn nhận xét là “... *Phúc Chu nói ngời..., là người hiếu học, chữ tốt, có tài lược văn võ, tự hiệu là Thiên Túng đạo nhân*”,⁽¹³⁾ không thể thiếu kiên định và thiếu hiểu biết đến nỗi thay đổi lui tới quốc hiệu nhiều lần một cách hồ đồ như thế!

Tuy tác giả ĐVT có dẫn quốc thư vua Gia Long gửi nhà Thanh rằng: “... *Các đời trước mở mang cõi viêm bang, mỗi ngày một rộng... dựng quốc hiệu là Nam Việt, truyền nối hơn 200 năm...*”, nhưng chúng ta nên xét lại thực tế thì việc “*Các đời trước mở mang cõi viêm bang... truyền nối hơn 200 năm*” là đúng sự thật, nhưng điều nói “... *dựng quốc hiệu là Nam Việt, truyền nối hơn 200 năm...*” thì chỉ là một lối nói lồng thêm để tăng điều mong muốn hiện tại của vua Gia Long là thích “quốc hiệu Nam Việt”, chứ sự thật các thời chúa Nguyễn chưa bao giờ có quốc hiệu “Nam Việt”:

- Thời Nguyễn Hoàng, dùng quốc hiệu “天南國 - Thiên Nam quốc”⁽¹⁴⁾ để gửi thư cho Nhật Bản.

- Thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên đến Nguyễn Phúc Thái: viết thư cho Nhật Bản, xưng là “安南國 - An Nam quốc”.

- Thời các chúa Nguyễn Phúc Chu và Nguyễn Phúc Thuỵ, xưng là “*Đại Việt quốc vương*”. Nếu quốc hiệu là Nam Việt, và “*Quốc hiệu Nam Việt của chúa Nguyễn có lẽ mang tính nội bộ trong phủ chúa...*” như tác giả ĐVT giải thích, vậy tại sao lời cầu nguyện ước mong của chúa được khắc trên chuông chùa Thiên Mụ để vang vào cõi bao la thấu trời, chúa không dùng chữ “Nam Việt” mà lại viết là “Đại Việt” theo lối chân phương?⁽¹⁵⁾ Vả lại, chúng ta đều biết quốc hiệu “Đại Việt” đã có từ thời Lý, và chỉ toàn cõi nước Việt, các chúa Nguyễn đã có ý lên ngôi “quốc vương” của “Đại Việt” với vai trò rộng lớn trên toàn cõi “Đại Việt”; nếu quốc hiệu trên cái ấn đọc là “Nam Việt”, há không phải làm giảm oai phong của vị “Đại Việt quốc vương” khi bị mất một nửa phần đất nước mà chỉ còn một nửa là “Nam Việt” ư?!

Thế nhưng, nhà nghiên cứu ĐVT còn giải thích thêm: “... *quốc hiệu Việt Nam đối với Gia Long... không thật thỏa tâm ý của vua... vào năm 1812, nhà Nguyễn lại sửa lại quốc hiệu thành Đại Việt mà không cần thông báo cho nhà Thanh... những điều này càng chứng tỏ quốc hiệu “Nam Việt” là một tâm huyết của Gia Long mong ước phục hồi lại quốc hiệu cũ của tổ tiên...*”.

Đọc lời giải thích trên, tôi càng lấy làm lạ lùng: Theo cách đọc ấn truyền quốc của ĐVT thì quốc hiệu là “Nam Việt quốc”, nếu vua Gia Long “*mong ước phục hồi lại quốc hiệu cũ của tổ tiên...*” thì phải đổi lại là “Nam Việt”, chứ sao “*vào năm 1812, nhà Nguyễn lại sửa lại quốc hiệu thành ĐẠI VIỆT*”?!

Như vậy, qua các cứ liệu về quốc hiệu “Đại Việt” được các chúa Nguyễn sử dụng mà tôi đã dẫn trên, cho thấy cách đọc ấn và quốc hiệu trên ấn là “南越 - Nam Việt” như nhà nghiên cứu ĐVT và nhiều nhà nghiên cứu khác đề nghị là không thể chấp nhận được!

N A H

CHÚ THÍCH

- (1) Xem: Nguyễn Anh Huy, *Lịch sử tiền tệ Việt Nam (sơ truy và lược khảo)*, Nxb Văn hóa Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 2013.
- (2) Xem: Yao TaKao, “Khảo sát về niên hiệu vua Lê Nhân Tông: Đại Hòa chứ không phải Thái Hòa”, *Nghiên cứu Lịch sử*, số 4, 1996. Hoặc: Lê Thành Lâm, “Bàn về niên hiệu thứ nhất của vua Lê Nhân Tông”, *Thông tin Khoa học và Công nghệ Thừa Thiên Huế* (nay là tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*), số Xuân Canh Thìn, 2000.
- (3) Ấn này xuất hiện trên cái khánh thời Minh Vương có niên đại “*Bảo Thái ngũ niên*” được tìm thấy ở làng La Chũ, đã được R. Orband công bố trong bài “Le Khanh de La-Chu”, *BAVH*, số 4/1915. Trong đó ấn triện được vị “Son Excellence le Ministre de l’Instruction Publique” tức Thượng thư Bộ Học thời đó là ông Cao Xuân Dục đã đọc như vậy.
- (4) Xem: tập san *Liễu Quán*, số 1, 2014, tr. 61, chú thích số 6.
- (5) Như chính bài của ĐVT đã dẫn.
- (6) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục* (Tổ phiên dịch Viện Sử học dịch), tập 1, Nxb Giáo dục, 2004, tr. 107.
- (7) Hình 10b là hình vẽ cái khánh lúc phát hiện năm 1915, Hình 10a chụp năm 2014 lúc vào bảo tàng xem lại thì cái khánh bị bể mất thêm một phần. Xem thêm: Trần Đình Sơn, “Khánh quý quốc tự Thiên Mục”, tập san *Liễu Quán*, số 2, 2014. Và xin xem thêm bài viết của Nguyễn Anh Huy: “Về hai cái khánh cổ ở Huế”, tạp chí *Huế xưa và nay*, số 124 (tháng 7-8/2014).
- (8) Lê Quý Đôn, *Vân đài loại ngữ*, Nxb Văn hóa Thông tin, 1995, tập 2, tr. 34.
- (9) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Sđd, tr. 124.
- (10) Xem: Thích Đại Sán, *Hải ngoại kỷ sự*, Viện Đại học Huế, Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam, 1963.
- (11) Lê Quý Đôn. *Phủ biên tạp lục* (Bản dịch của Viện Sử học), Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 65.
- (12) Thích Đại Sán, Sđd, tr. 35.
- (13) *Phủ biên tạp lục*, Sđd, tr. 64.
- (14) Xem: Võ Vinh Quang, “Lược khảo văn bản *An Nam quốc thư*”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 9 (107). 2013.
- (15) Lời cầu nguyện ấy là “大越國主阮福遇嗣洞上正宗三十代法名興龍，鑄造洪鍾重三千二百八十五觔，入于御建天姥禪寺永遠供奉三寶。惟願風調雨順國泰民安法界眾生同圓種智。永盛六年歲次庚寅四月誕日”。
Tạm dịch: Chủ nước Đại Việt Nguyễn Phúc Chu nổi dòng Tào Động đời thứ 30, pháp danh Hưng Long, đúc chuông lớn này nặng 3.825 cân vào năm Vĩnh Thịnh thứ 6, ngày Phật đản tháng 4 năm Canh Dần (1710), để vào chùa Thiên Mục, cúng Tam Bảo lâu dài, với ý nguyện mưa hòa gió thuận, nước thái bình dân an cư, chúng sinh trong pháp giới, đều được vẹn toàn trí tuệ.

TÓM TẮT

Chiếc bảo ấn truyền quốc của triều Nguyễn đúc năm 1709 thời Minh Vương Nguyễn Phúc Chu được sử sách gọi là “*Đại Việt quốc Nguyễn chúa vĩnh trấn chi bảo*”. Do cách đọc chữ Hán khắc theo lối chữ triện trên ấn khác nhau, gần đây một số nhà nghiên cứu như Đinh Văn Tuấn đã đề nghị đọc lại quốc hiệu trên ấn là “*Nam Việt quốc...*”. Tác giả bài viết này đã đưa ra nhiều chứng cứ để chứng minh cách đọc “*Đại Việt quốc...*” là đúng.

ABSTRACT

ABOUT SOME NAMES UNDER THE NGUYỄN LORDS (A discussion with researcher Đinh Văn Tuấn)

The royal seal of the Nguyễn Dynasty, which was cast in 1709 during the reign of Lord Nguyễn Phúc Chu, reads “*Đại Việt quốc Nguyễn chúa vĩnh trấn chi bảo*” [Seal of the eternal government of the Nguyễn Lords of the Great kingdom of Việt]. Due to different ways of interpreting the seal script engraved on the seal, some researchers, among whom is Đinh Văn Tuấn, have recently proposed reading “*Nam Việt quốc Nguyễn chúa vĩnh trấn chi bảo*” [Seal of the eternal government of the Nguyễn Lords of the kingdom of Nam Việt]. The author has given a lot of evidence to show that reading “*Đại Việt quốc Nguyễn chúa vĩnh trấn chi bảo*” is correct.